

Số: 12 /2018/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 07 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 20/TTr-KHCN ngày 18 tháng 4 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết

định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là đề xuất đặt hàng) là đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tổ chức, cá nhân được các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan nhà nước khác (sau đây gọi chung là sở, ban, ngành, huyện, thành phố) xem xét đặt hàng.

2. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn tổ chức, cá nhân có điều kiện, năng lực tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ theo những yêu cầu, tiêu chí quy định tại Quyết định này.

3. Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và năng lực phù hợp để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ theo những yêu cầu, tiêu chí quy định tại Quyết định này”.

2. Điểm a, b Khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Yêu cầu đối với dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của tỉnh hoặc để tạo ra sản phẩm phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu;

b) Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực”.

3. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Căn cứ tiến độ thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm hoặc theo tính cấp thiết, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của tỉnh và thời hạn gửi đề xuất đặt hàng. Đề xuất đặt hàng theo các mẫu tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN): đề tài hoặc đề án khoa học theo Mẫu A1-ĐXNV; dự án sản xuất thử nghiệm theo Mẫu A2- ĐXNV và dự án khoa học và công nghệ theo Mẫu A3-ĐXNV.

2. Tổng hợp các đề xuất đặt hàng:

a) Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp các đề xuất đặt hàng và tự đề xuất những vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết ở cấp tỉnh;

b) Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lựa chọn các đề xuất đặt hàng đáp ứng các yêu cầu đặt hàng gửi về Sở Khoa học và Công nghệ xem xét;

c) Đối với các đề xuất đặt hàng không thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của mình thì gửi Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét đặt hàng thực hiện và thông báo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi đề xuất.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức xem xét, đánh giá sơ bộ về tính đầy đủ và cấp thiết của đề xuất đặt hàng và tổng hợp thành danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân đề xuất theo từng nhóm, lĩnh vực nghiên cứu để đưa ra lấy ý kiến Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh”.

4. Khoản 1, Khoản 2 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ theo chuyên ngành khoa học phù hợp với lĩnh vực của đề xuất đặt hàng. Hội đồng có thể tư vấn cho một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng lĩnh vực hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ.

2. Hội đồng tư vấn:

a) Có từ 05 đến 09 thành viên, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội đồng và thành viên của hội đồng tư vấn là các chuyên gia khoa học và công nghệ, chuyên gia kinh tế hoặc cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu. Trong đó ít nhất 02 thành viên có chuyên môn sâu trong hội đồng làm chuyên gia phản biện cho mỗi đề xuất đặt hàng;

b) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ nội dung của đề xuất đặt hàng quyết định số lượng thành viên và thành phần của Hội đồng;

c) Đối với các đề xuất đặt hàng phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần của Hội đồng khác với quy định”.

5. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Phương thức làm việc, trình tự thủ tục làm việc và nội dung thảo luận của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo các Khoản 12, 13, 14 Điều 1 Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN; Điều 18, 19, 20, 21 Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước”.

6. Điều 14 được sửa đổi như sau:

“Điều 14. Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Các tổ chức có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có con dấu và tài khoản có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trước đây;

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác có sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

a) Có trình độ đại học trở lên;

b) Có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phù hợp với nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong 05 năm gần nhất, tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Trường hợp đặc biệt khác với các yêu cầu tại các điểm a, b, c Khoản này, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác;

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác

do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Có nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian là 02 năm kể từ khi có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu;

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác do mình làm chủ nhiệm sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 03 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền”.

7. Khoản 3, Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Bộ hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo Điều 5 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN) phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài: tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì, tên chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ; danh mục tài liệu có trong hồ sơ”.

8. Khoản 2, Khoản 3 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ được chuẩn bị theo đúng các biểu mẫu và đáp ứng quy định tại Điều 14, 15 của Quyết định này.

3. Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản theo mẫu Biểu B2-1-BBHS của phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN”.

9. Điều 17 được sửa đổi như sau:

“Điều 17. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập:

a) Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, hai (02) Ủy viên phản biện và các ủy viên khác. Thành viên Hội đồng là các chuyên gia khoa học và công nghệ, chuyên gia kinh tế hoặc cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Ủy viên phản biện là chuyên gia có kinh nghiệm, chuyên môn sâu trong lĩnh vực mà nhiệm vụ được xem xét;

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định số lượng thành viên và thành phần của Hội đồng;

b) Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành

viên và thành phần Hội đồng khác với quy định tại điểm a Khoản này.

2. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên Hội đồng:

- a) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Các chuyên gia, các ủy viên phản biện đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tương ứng.

4. Chuẩn bị cho phiên họp của Hội đồng theo nội dung quy định tại các Khoản 1, 2 Điều 9 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN.

5. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc, trình tự và nội dung quy định tại Điều 10, Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11 Điều 11, Điều 12 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN.

6. Hội đồng kiến nghị tổ chức, cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm);

Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì ưu tiên hồ sơ có cam kết và đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước nhiều hơn. Đối với các hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước bằng nhau hoặc không có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước thì ưu tiên hồ sơ có điểm trung bình về năng lực của tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm cao hơn;

b) Được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng có mặt (trong đó có ít nhất 01 ủy viên phản biện) đánh giá tổng mức kinh phí phù hợp với các sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh”.

10. Khoản 2 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Sở Khoa học và Công nghệ cử thư ký hành chính có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu, giúp việc cho Tổ thẩm định. Ngoài ra, theo yêu cầu thực tiễn, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể mời thêm đại diện các tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp của Tổ thẩm định.

Tổ thẩm định làm việc theo nguyên tắc, trình tự và nội dung quy định tại các Điều 13, 14 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN”.

11. Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Định kỳ 6 tháng 1 lần tính từ thời điểm ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có

trách nhiệm gửi báo cáo cho Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện và tiến độ giải ngân kinh phí theo Mẫu A-1-BCĐK tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN).

3. Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan (khi cần thiết) tổ chức thực hiện các nội dung sau:

a) Kiểm tra định kỳ, hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo hợp đồng đã ký; trường hợp kiểm tra đột xuất sẽ thông báo cho tổ chức chủ trì trước 01 ngày làm việc;

b) Tổ chức chủ trì chuẩn bị báo cáo và các tài liệu liên quan phục vụ kiểm tra, đánh giá:

Báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ theo Mẫu A-2-BCTĐ, A-4-BCSPHT và A-5-BCSPUD;

Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ theo Mẫu A-3-BCSDKP tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN;

Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

4. Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp kết quả, đề xuất phương án xử lý cần thiết. Kết quả kiểm tra tình hình thực hiện được lập thành biên bản theo Mẫu C-2-BBKTĐG tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN là căn cứ để Sở Khoa học và Công nghệ xem xét việc đình chỉ hoặc tiếp tục triển khai thực hiện, điều chỉnh bổ sung và thanh lý hợp đồng”.

12. Sửa đổi Điểm a Khoản 3 và bổ sung Khoản 4 Điều 24 như sau:

“3. Công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng.

a. Công nhận kết quả

Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi nhận được Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu theo Mẫu 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và báo cáo quyết toán tài chính của cơ quan chủ trì.

4. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định điều chuyển tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý; quyết định bán, thanh lý tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa

học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước”.

13. Khoản 1, Khoản 3 Điều 33 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan vận dụng Quy định này thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (cấp sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố).

3. Trong quá trình thực hiện trường hợp văn bản được dẫn chiếu áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo văn bản mới đó”.

Điều 2. Bãi bỏ Điều 3 của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2018

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Tây Ninh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP.UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VTVP.UBND tỉnh.

60

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc